

An Giang, ngày 19 tháng 04 năm 2021

THƯ MỜI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

- 1. Thời gian:** 8h00' ngày 17 tháng 05 năm 2021 (Thứ hai).
(7h30' làm thủ tục nhận tài liệu)
- 2. Địa điểm:** Nhà hàng Thắng Lợi 1
Số 01 Lê Hồng Phong, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.
- 3. Nội dung:** Thảo luận và thông qua các vấn đề kết thúc năm tài khóa 2020 (chương trình Đại hội – kèm theo).
- 4. Thành phần:** Các Cổ đông của Agimexpharm tính đến ngày 19/04/2021

Tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, Công ty khuyến khích Cổ đông xem xét ủy quyền dự họp, nhất là các Cổ đông ở xa, ở các thành phố lớn hoặc ở vùng có dịch Covid-19. Ngoài ra, để đảm bảo sức khỏe cho Cổ đông tham dự Đại hội, Công ty có chuẩn bị các biện pháp bảo đảm phòng, chống dịch, giữ khoảng cách an toàn tối thiểu 02 mét.

Trường hợp Cổ đông không đến dự, có thể ủy quyền cho Cổ đông khác hoặc đại diện nhận ủy quyền (theo mẫu).

Quý Cổ đông vui lòng xác nhận Đăng ký tham dự hoặc ủy quyền (theo mẫu đính kèm) gửi về Công ty Agimexpharm trước 16h00 ngày 14/05/2021 theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Địa chỉ: Số 27 – Nguyễn Thái Học – P. Mỹ Bình – TP. Long Xuyên – An Giang

ĐT : 0296 3856 960 – (Bà: Nguyễn Thị An)

Hoặc : 0296 3856 964 – (Bà: Phạm Đỗ Phương Thảo hoặc Ông: Bùi Quốc Quang)

Fax: : 0296 3957434

Email: thao0906agp@gmail.com

Tài liệu về Đại hội, các mẫu Đăng ký tham dự, Giấy ủy quyền... được đăng tải tại website :
<https://agimexpharm.com/shareholder/?lang=en>

Trân trọng.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm

Tôi tên:MSCD:

CMND số/Giấy CNĐKKD số:cấp ngày:

tại:

Địa chỉ thường trú:

Hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm.

Bằng chữ:

Tôi ủy quyền lại cho Ông/Bà

CMND số/Giấy CNĐKKD số:cấp ngày:

tại:

Địa chỉ:

Hoặc cho Đại biểu là Thành viên Hội đồng Quản trị:

STT	Họ tên	Chức vụ	Nơi công tác	Nhận ủy quyền (*)
1	Phạm Thị Bích Thủy	Chủ tịch	Phó Tổng giám đốc CTCP DP Agimexpharm	
2	Nguyễn Văn Kha	Phó Chủ tịch	Tổng giám đốc CTCP DP Agimexpharm	
3	Trần Thị Đào	Thành viên	Tổng giám đốc CTCP DP Imexpharm	
4	Nguyễn Quốc Định	Thành viên	Chủ tịch HĐQT CTCP DP Imexpharm	
5	Phạm Uyên Nguyên	Thành viên	Giám đốc điều hành Quỹ Đầu tư Hợp lực	

Thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm vào ngày 17/05/2021 và đại diện tôi thực hiện mọi quyền, nghĩa vụ tại Đại hội tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

....., ngày tháng năm 2021

Người được ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ và tên)

Người ủy quyền

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(*) Nếu ủy quyền cho Đại biểu thì đánh dấu “x” vào cột Nhận ủy quyền tương ứng với tên Đại biểu.

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

*Tại Nhà hàng Thăng Lợi 1
 (Số 01 Lê Hồng Phong, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.)
 An Giang, ngày 17 tháng 05 năm 2021*

Thời gian	Nội dung
7h30' - 8h30'	I. THỦ TỤC
	1. Cổ đông làm thủ tục nhận tài liệu.
	2. Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
	3. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự Đại hội.
	4. Giới thiệu và biểu quyết thông qua: - Thể lệ làm việc; - Chương trình đại hội; - Chủ tọa đoàn; - Thư ký đoàn; - Ban kiểm phiếu.
8h30' - 11h30'	II. NỘI DUNG ĐẠI HỘI
	1. Báo cáo và đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020 - Mục tiêu kế hoạch 2021.
	2. Báo cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Tổng Giám đốc.
	3. Phân tích báo cáo tài chính năm 2020.
	4. Báo cáo kết quả kiểm toán năm 2020.
	5. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.
	6. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021.
	7. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
	8. Tờ trình phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020.
	9. Tờ trình tiền lương, thưởng HĐQT, BKS và quỹ lương công ty.
	10. Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh.
	11. Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn.
	12. Tờ trình sửa đổi bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
	13. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
	14. Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ.
	15. Đại hội thảo luận & biểu quyết tất cả các mục trên.
11h30' - 12h30'	III. TỔNG KẾT ĐẠI HỘI
	Thông qua dự thảo Nghị quyết Đại hội (<i>biểu quyết</i>).
	Đáp từ

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

THẺ LỆ LÀM VIỆC

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

An Giang ngày 17/05/2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;

Nhằm đảm bảo tiến độ thời gian làm việc theo chương trình đại hội, Ban tổ chức kính trình Đại hội thông qua thẻ lệ làm việc tại Đại hội như sau:

A. Nhiệm vụ của Đại hội

Biểu quyết thông qua các quy định làm việc của Đại hội:

1. Báo cáo và đánh giá hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020, Mục tiêu kế hoạch 2021.
2. Báo cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Tổng giám đốc.
3. Báo cáo tài chính năm 2020
4. Báo cáo kết quả kiểm toán năm 2020.
5. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020.
6. Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán năm 2021.
7. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.
8. Tờ trình phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020.
9. Tờ trình tiền lương, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Quỹ lương Công ty.
10. Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh.
11. Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn.
12. Tờ trình sửa đổi bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty.
13. Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
14. Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ.

B. Các quy định tại Đại hội

Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành dưới sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch là đảm bảo Đại hội tiến hành đúng pháp luật và phù hợp với điều lệ công ty.

I. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội Cổ đông:

1. Nguyên tắc:

Các vấn đề phải được thông qua theo quy định, đều được thông qua bằng cách lấy ý kiến Cổ đông. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền sẽ được cấp một phiếu biểu quyết, trong đó có ghi số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Cách thức biểu quyết:

Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để đồng ý hoặc không đồng ý 01 vấn đề được thông qua tại Đại hội Cổ đông bằng cách giơ tay cao phiếu biểu quyết hướng về phía Đoàn Chủ tịch.

II. Phát biểu ý kiến tại Đại hội:

Tại Đại hội, sau khi nghe các báo cáo, tờ trình của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, các cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền có quyền thảo luận và phát biểu ý kiến nhưng phải tuân theo các quy định sau:

- Được chấp thuận của Đoàn Chủ tịch.
- Khi phát biểu phải nêu tên, số cổ phần sở hữu. Nội dung phát biểu phải đúng trọng tâm và phù hợp với chương trình Đại hội.

III. Đoàn Chủ tịch:

- Danh sách Đoàn Chủ tịch được Đại hội thông qua bằng cách biểu quyết.
- Trách nhiệm của Đoàn Chủ tịch:
 1. Điều khiển Đại hội theo chương trình và thể lệ làm việc đã được thông qua. Chủ tọa đoàn làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số.
 2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, biểu quyết các vấn đề trong chương trình Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
 3. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt thời gian Đại hội tiến hành.

IV. Thư ký đại hội:

- Danh sách Ban Thư ký được Đại hội thông qua bằng biểu quyết.
- Trách nhiệm của Ban Thư ký:
 1. Ghi chép đầy đủ các ý kiến phát biểu tại Đại hội và tổng hợp báo cáo của Chủ tọa đoàn.
 2. Soạn thảo và thông qua nghị quyết của Đại hội.
 3. Lập biên bản của Đại hội.

V. Ban kiểm phiếu:

- Danh sách Ban Kiểm phiếu được Đại hội thông qua bằng biểu quyết.
- Trách nhiệm của Ban Kiểm phiếu: kiểm tra số phiếu chấp nhận, không chấp nhận, ý kiến khác của từng nội dung và báo cáo kết quả ngay cho Thư ký Đại hội.

Thể lệ làm việc này được trình trước Đại hội đồng Cổ đông và thông qua khi được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ds. Phạm Thị Bích Thủy

Head Office	: 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi	: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho	: I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 4.0044/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2021, từ trang 07 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

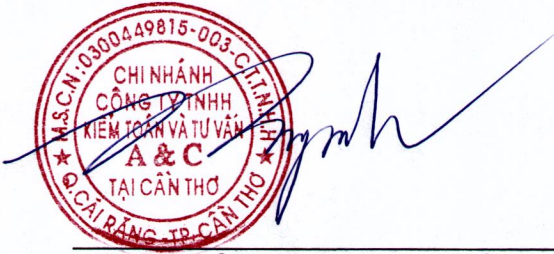
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

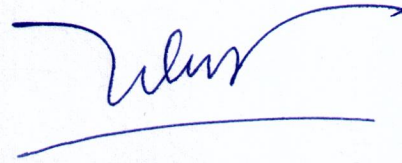
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Quốc Ngữ – Phó Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 01 tháng 3 năm 2021



Phạm Thị Tố Như – Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3574-2021-008-1

**TỜ TRÌNH
LỰA CHỌN CÔNG TY KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM 2021**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 hiệu lực từ 01/01/2021;
- Căn cứ điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm.
- Căn cứ tình hình thực tế Công ty.

Ban Kiểm soát đề xuất Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn một trong 05 (năm) Công ty kiểm toán sau cho báo cáo tài chính năm 2021:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Với tiêu chí:

- Công ty kiểm toán được UBCK nhà nước chấp thuận là Công ty kiểm toán đủ điều kiện kiểm toán năm 2021.
- Công ty kiểm toán uy tín, kinh nghiệm.
- Giá cả dịch vụ hợp lý.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo quyết toán tài chính năm 2021.

Rất mong được sự chấp thuận của Quý Cổ đông.

Trân trọng.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Trần Thị Thanh Hằng

Số: ... /TT-AGP

An Giang, ngày ... tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

Thông qua dự thảo quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 hiệu lực từ 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm.
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;

Ban kiểm soát trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm phê duyệt quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty như sau:

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty gồm 07 chương và 22 điều (Kèm theo bản dự thảo quy chế).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và chấp thuận.

Trân trọng.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

ThS. Trần Thị Thanh Hằng

MỤC LỤC

Chương I	2
QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	2
Chương II	2
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	2
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	4
Chương III	5
BAN KIỂM SOÁT	5
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	6
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	7
Chương IV	7
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	7
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	7
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	7
Chương V	7
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	7
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	7
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	8
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	8
Chương VI	9
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	9
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành	9
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	9
Chương VII	9
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	9
Điều 22. Hiệu lực thi hành	9

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 hiệu lực từ 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu phiếu trực tiếp và kín. Theo đó, mỗi cổ đông sẽ chọn thành viên Kiểm soát viên trong danh sách đã được đề cử, số phiếu được bầu của ứng viên bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của chính cổ đông đó. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên phải đạt ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của tất cả cổ đông dự họp, và được chọn từ người đạt số phiếu bầu cao nhất và giảm dần cho đến khi đủ số lượng thành viên theo yêu cầu.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ

phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát

trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 05 năm 2021.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

ThS. Trần Thị Thanh Hằng

TỜ TRÌNH
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHIA CỔ TỨC
(Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và báo cáo tài chính đã kiểm toán ngày 01/03/2021, HĐQT đề nghị phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	TỶ LỆ	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
Lợi nhuận trước thuế 2020		36.297.793.701	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		7.427.430.726	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100%	28.870.362.975	
1/ Trích quỹ tiền thưởng HĐQT & BKS	2,11%	609.356.591	
2/ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	18,43%	5.321.202.343	
3/ Chia cổ tức bằng tiền mặt	44,46%	12.835.177.000	10%/ VDL
4/ Lợi nhuận còn lại trích quỹ ĐTPT	35,00%	10.104.627.041	

Ghi chú:

1/ Căn cứ tờ trình số 03/TT-AGP ngày 08/03/2020 v/v Tiền lương, Thưởng HĐQT, BKS và Quỹ lương Công ty. Trích thưởng HĐQT & BKS năm 2020 như sau:

Lợi nhuận trước thuế 2020 (kế hoạch)	35.000.000.000	đồng
Tổng quỹ khen thưởng HĐQT, gồm	609.356.591	đồng
<i>Thưởng đạt kế hoạch LNTT (1% LNTT)</i>	362.977.937	đồng
<i>Thưởng vượt kế hoạch LNTT (5% LN vượt)</i>	64.889.685	đồng
<i>Thưởng Phó Chủ tịch kiêm TGD (0,5% LNTT)</i>	181.488.969	đồng

2/ Quỹ khen thưởng, phúc lợi: chi khen thưởng, phúc lợi nhân viên công ty, và các hoạt động phúc lợi xã hội khác.

3/ Quỹ đầu tư phát triển dùng để: đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh; mua sắm tài sản cố định (đất đai, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải), nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phát triển sản phẩm, đào tạo; bù đắp khoản chênh lệch quyết toán thuế và tổn thất về tài sản, công nợ. Ủy quyền cho Ban Tổng giám đốc xem xét việc sử dụng trong hạn mức đúng thẩm quyền của Luật hoặc Điều lệ công ty quy định.

Trân trọng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DS. Phạm Thị Bích Thủy

**TỜ TRÌNH
TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
VÀ QUỸ LƯƠNG CÔNG TY**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 hiệu lực từ 01/01/2021;.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm.
- Căn cứ tình hình thực tế Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021:

1. Thực hiện tiền lương, tiền thưởng năm 2020

1.1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát:

- | | |
|---|-------------------------|
| - Tiền lương đã thực hiện năm 2020: | 608.000.000 đồng |
| - Tiền thưởng tồn đầu năm 2020: | 71.439.542 đồng |
| - Tiền thưởng trích từ lợi nhuận năm 2020: | 609.356.591 đồng |
| - Tiền thưởng đã chi năm 2020: | 0 đồng |
| - Tiền thưởng còn lại chuyển sang năm 2021: | 680.796.133 đồng |

1.2. Cán bộ nhân viên công ty năm 2020:

- | | |
|----------------------------|---------------------|
| - Tiền lương đã thực hiện: | 41.922.749.274 đồng |
|----------------------------|---------------------|

2. Kế hoạch tiền lương, tiền thưởng năm 2021

2.1. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát

- Tiền lương cố định: 608.000.000 đ/năm
- Tiền thưởng năm 2021 gồm:
 - + Đạt kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 1% Lợi nhuận
 - + Vượt kế hoạch lợi nhuận trước thuế: 5% phần vượt
 - + Thưởng Tổng Giám đốc khi đạt kế hoạch lợi nhuận: 0,5% lợi nhuận trước thuế

2.2. Quỹ lương CBNV công ty năm 2021: 42.000.000.000 đồng.

Rất mong được sự chấp thuận của Quý Cổ đông.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ds. Phạm Thị Bích Thủy

Số:/TT-AGP

An Giang, ngày tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc **Bổ sung ngành, nghề kinh doanh**)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;
- Căn cứ quy định hiện hành và nhu cầu thực tiễn của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung bổ sung các ngành, nghề kinh doanh như sau:

1. Bổ sung các ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành
1	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời	4659
2	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện năng lượng mặt trời	3511
3	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Bán điện cho người sử dụng	3512
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn và đầu tư các giải pháp về điện năng lượng mặt trời	7490
5	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời	3320
6	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng, sữa và các sản phẩm sữa	4632
7	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành và cập nhật bổ sung vào Điều lệ của Công ty; thực hiện việc thay đổi đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang theo ngành nghề bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông AGP;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

DS. Phạm Thị Bích Thủy

Số: .../TT-AGP

An Giang, ngày tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng (Phát hành cho cổ đông hiện hữu)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;
- Căn cứ nhu cầu thực tế của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm về vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng (Phát hành cho cổ đông hiện hữu) với các thông tin chi tiết như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| 1. Tên cổ phiếu | : | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm |
| 2. Loại chứng khoán | : | Cổ phiếu phổ thông |
| 3. Mã chứng khoán | : | AGP |
| 4. Mệnh giá | : | 10.000 đồng/cổ phiếu |
| 5. Vốn điều lệ hiện nay | : | 128.351.770.000 đồng |
| 6. Số lượng cổ phiếu đã phát hành | : | 12.835.177 cổ phiếu |
| Trong đó: | | |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | : | 12.835.177 cổ phiếu |
| - Số lượng cổ phiếu quỹ | : | 0 cổ phiếu |
| 7. Số lượng cổ phiếu chào bán | : | 5.134.070 cổ phiếu |
| 8. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá | : | 51.340.700.000 đồng |
| 9. Mức tăng vốn điều lệ dự kiến | | |
| - Vốn điều lệ trước phát hành | : | 128.351.770.000 đồng |

- Số vốn điều lệ tăng (theo mệnh giá) : 51.340.700.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành : 179.692.470.000 đồng

10. Giá chào bán

- Giá chào bán thấp nhất : 12.000 đồng/cổ phiếu
- Giá chào bán cao nhất : 12.000 đồng/cổ phiếu

11. Tổng khối lượng vốn huy động : 61.608.840.000 đồng.

12. Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm (thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định).

13. Phương án phát hành cụ thể:

- Số lượng cổ phiếu phát hành : 5.134.070 cổ phiếu
- Giá chào bán : 12.000 đồng/cổ phiếu
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá : 51.340.700.000 đồng
- Tỷ lệ phát hành : **2,5:1** (Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, Cổ đông sở hữu **1** cổ phiếu tương đương với **1** quyền mua thêm cổ phiếu. Cứ **2,5** quyền mua thêm cổ phiếu sẽ được mua thêm **1** cổ phiếu mới).
- Hình thức chào bán : Chào bán chứng khoán ra công chúng
- Nguyên tắc xác định giá :

a. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2020

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại} &= \text{Số lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ} \\ \text{thời điểm 31/12/2020} &= 12.835.177 - 0 = 12.835.177 \text{ cổ phần} \end{aligned}$$

b. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách của AGP tại thời điểm 31/12/2020 theo BCTC kiểm toán năm 2020:

$$\begin{aligned} & \text{(Vốn chủ sở hữu -} \\ & \text{Lợi ích cổ đông} & \text{(217.768.914.220 - 0 -} \\ & \text{thiếu số -Tài sản vô} & \text{22.307.419.094)} \\ & \text{hình)} \\ \text{Giá trị sổ} &= \frac{\text{Giá trị sổ sách cổ phiếu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{\text{Giá trị sổ sách}}{12.835.177} = \mathbf{15.229 \text{ đồng/CP}} \end{aligned}$$

c. Một số chỉ tiêu cơ bản của doanh nghiệp cùng ngành:

STT	Tên doanh nghiệp	ĐVT	P/E	P/B
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (IMP)	Lần	18,78	2,38
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú (PPP)	Lần	11,91	1,32

STT	Tên doanh nghiệp	ĐVT	P/E	P/B
3	Công ty Cổ phần S.P.M (SPM)	Lần	21,55	0,23
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (DCL)	Lần	23,51	1,84
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu Pharmedic (PMC)	Lần	8,31	1,72
	Bình quân	Lần	16,81	1,50

d. Phương pháp so sánh P/E:

Phương pháp này dựa trên thu nhập kết quả kinh doanh 4 quý gần nhất của AGP và hệ số giá trên thu nhập (P/E) bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu
Lợi nhuận sau thuế 4 quý gần nhất (a)	VNĐ	28.870.362.975
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành 31/12/2020 (b)	cổ phiếu	12.835.177
Thu nhập trên 1 cổ phiếu trong 04 quý gần nhất (a/b)	VNĐ/CP	2.249
Hệ số bình quân P/E của ngành	Lần	16,81
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp so sánh P/E	VNĐ/CP	37.813

e. Phương pháp so sánh P/BV

Phương pháp này dựa trên giá trị sổ sách ngày 31/12/2020 của AGP và hệ số giá trên giá trị sổ sách (P/BV) bình quân của các công ty cùng đang niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Chi tiêu	ĐVT	Số liệu
Giá trị sổ sách ngày 31/12/2020 (a)	VNĐ	15.229
Hệ số bình quân P/BV của ngành (b)	Lần	1,50
Giá cổ phiếu dự kiến theo phương pháp P/BV(a*b)	VNĐ/CP	22.828

f. Kết luận về giá cổ phiếu

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng
Phương pháp so sánh P/E	37.813	50%
Phương pháp so sánh P/BV	22.828	50%
Trung bình gia quyền (VNĐ/CP)	30.320	

Tính đến yếu tố thận trọng và pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành thêm, giá chào bán được đề nghị của cổ phiếu AGP là **12.000 VNĐ/CP**.

14. Đánh giá về mức độ pha loãng cổ phiếu sau phát hành:

Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu có thể xảy ra khi AGP thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán ưu đãi (thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành). Đối với đợt phát hành tăng vốn điều lệ của AGP, có một số lưu ý đối với nhà đầu tư về rủi ro pha loãng giá cổ phiếu như sau:

Tổng số cổ phiếu chào bán: 5.134.070 cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty với giá phát hành là 12.000 đồng/cp.

Giá cổ phiếu sẽ được điều chỉnh vào ngày giao dịch không hưởng quyền theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{(PR_{t-1} \times \text{Số lượng CP đang lưu hành}) + (PR \times \text{Số lượng CP phát hành thêm})}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành} + \text{Số lượng cổ phiếu phát hành thêm}}$$

Trong đó:

- **P_{tc}** : là giá tham chiếu cổ phiếu cần xác định trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn điều lệ, đây là giá cần xác định.
- **PR_{t-1}**: là giá chứng khoán trên thị trường trước ngày giao dịch không hưởng quyền.
- **PR** : là giá phát hành.

Ví dụ :

Giả sử giá cổ phiếu AGP vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 17.000 đồng/cổ phiếu (PR_{t-1}). Tổng số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu là 5.134.070 cổ phần. Giá chào bán là 12.000 đồng/cp. Như vậy, ngày giao dịch không hưởng quyền giá tham chiếu của cổ phiếu sẽ được điều chỉnh như sau:

$$P_{tc} = \frac{(17.000 \times 12.835.177) + (12.000 \times 5.134.070)}{12.835.177 + 5.134.070} = 15.571 \text{ đồng/cổ phần}$$

Ngoài ra, việc thay đổi vốn chủ sở hữu của AGP cũng làm ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng lợi nhuận, từ đó ảnh hưởng đến chỉ số EPS hiện tại của AGP.

Tuy nhiên, những rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được và duy trì tốt hoạt động sản xuất kinh doanh sau đợt chào bán.

Rủi ro pha loãng tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của cổ đông hiện hữu : Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu và quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm nếu cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua cổ phần.

15. Phương thức phân phối:

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại các thành viên lưu ký (TVLK) nơi mở tài khoản lưu ký. Sau thời hạn quy định, các quyền mua chưa đăng ký thực hiện hết hiệu lực.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký mua và nộp tiền mua cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm - Địa chỉ: 27 Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

16. Thời điểm phát hành dự kiến: năm 2021 - năm 2022, Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Ủy ban chứng khoán nhà nước có ý kiến chấp thuận.

17. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) và cổ phiếu không phân phối hết:

Cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị. Số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối, giá chào bán (với điều kiện phải lớn hơn hoặc bằng 12.000 đồng/CP).

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 123 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ 2,5:1, Cổ đông A được quyền mua thêm $123 \times 1/2,5 = 49,2$ (tương đương 49 cổ phiếu mới). Cổ đông A sẽ được quyền mua thêm 49 cổ phiếu mới với giá 12.000 đồng/CP. 0,2 cổ phiếu lẻ phát sinh và/hoặc trường hợp Cổ đông A không mua thì Hội đồng Quản trị công ty sẽ quyết định chào bán cho đối tượng khác với giá lớn hơn hoặc bằng 12.000 đồng/CP.

Việc phân phối cổ phiếu nêu trên đảm bảo nguyên tắc không phát hành quá 10% vốn điều lệ của tổ chức phát hành cho một tổ chức, cá nhân hay một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan của tổ chức, cá nhân đó theo quy định của luật số 62/2010/QH12, Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.

Trong trường hợp HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này (cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua) thì số cổ phiếu này sẽ được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

18. Điều khoản chuyển nhượng:

- Quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu được phép chuyển nhượng. Người nhận chuyển nhượng quyền mua không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.
- Cổ phiếu phát hành thêm không bị hạn chế chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu chưa phân phối hết và cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tượng phân phối, tiêu chí, phương thức phân phối cho các đối tượng khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng theo qui định của pháp luật trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

19. Chào mua công khai:

Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Nhà đầu tư khi thực hiện mua số cổ phiếu do cổ đông không đăng ký mua hoặc không nộp tiền mua, số cổ phiếu lẻ không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai trong trường hợp Chào bán cho tổ chức, cá nhân và người có liên quan dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng này vượt mức sở hữu được quy định tại điểm a,b khoản 1 Điều 35 Luật Chứng khoán 2019.

20. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Toàn bộ số tiền thu được sẽ được sử dụng như sau:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Trả các khoản nợ ngắn hạn	61.608.840.000
	Tổng cộng	61.608.840.000

Kế hoạch sử dụng vốn chi tiết sẽ ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định và chủ động điều chỉnh khi cần thiết.

21. Tỷ lệ chào bán thành công và Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành:

Tỷ lệ chào bán thành công dự kiến: 100%

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết thì ủy quyền cho HĐQT tự cân đối sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn cao nhất.

22. Thông qua việc thay đổi Văn điều lệ trên bản Điều lệ công ty tại Khoản 1 Điều 5 và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN.

23. Thông qua việc đưa chứng khoán vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức

Sau khi hoàn tất đợt phát hành, Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trên thị trường chứng khoán có tổ chức theo quy định của pháp luật hiện hành.

24. Ủy quyền HĐQT

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các công việc liên quan tới việc phát hành như sau:

- Chủ động xây dựng và giải trình hồ sơ xin phép phát hành gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác. Đồng thời, chủ động điều chỉnh phương án phát hành và các hồ sơ khác có liên quan theo tình hình thực tế của Doanh nghiệp hoặc theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan chức năng khác;
- Lựa chọn ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện Phương án phát hành như trên;
- Thực hiện việc xử lý cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu từ bỏ quyền mua; thực hiện các biện pháp xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành;

- Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.
- Quyết định phương án lựa chọn đối tượng, tiêu chí, phương thức phân phối với giá bán lớn hơn hoặc bằng giá phát hành của đợt phát hành này (12.000 đồng/cổ phiếu) về số lượng cổ phiếu lẻ và số lượng cổ phiếu không phân phối hết của đợt phát hành (nếu có);
- Xây dựng kế hoạch sử dụng vốn chi tiết. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo ĐHCĐ gần nhất.
- Xử lý trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định mà số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu không được chào bán hết;
- Xác định tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài và thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với các ngành nghề mà Công ty đăng ký kinh doanh (nếu có);
- Hoàn chỉnh việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty (do thay đổi vốn điều lệ) sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCK;
- Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên UBCK;
- Tiến hành các thủ tục liên quan với Ủy ban chứng khoán nhà nước, Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang;
- Thực hiện các công việc khác có liên quan nhằm đảm bảo cho đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng được thành công.

Hội đồng Quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Cổ đông AGP;
- HĐQT, BKS, BGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

DS. PHẠM THỊ BÍCH THỦY

MỤC LỤC

Chương I.....	2
QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
Chương II	3
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	4
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
Chương III.....	6
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	6
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	6
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường	8
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	9
Chương IV	9
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	9
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị	10
Chương V.....	11
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	11
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm	11
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	12
Chương VI.....	12
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	12
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	12
Chương VII.....	13
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	13
Điều 23. Hiệu lực thi hành.....	13

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;p

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng 05 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược phẩm Agimexpharm bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn **06 tháng** kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn **10 ngày** kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn

chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng

cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu phiếu trực tiếp và kín. Theo đó, mỗi cổ đông sẽ chọn thành viên Hội đồng quản trị trong danh sách đã được đề cử, số phiếu được bầu của ứng viên bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của chính cổ đông đó. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị phải đạt ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của tất cả cổ đông dự họp, và được chọn từ người đạt số phiếu bầu cao nhất và giảm dần cho đến khi đủ số lượng thành viên theo yêu cầu.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
 - r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết

định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác (theo quy định trong Điều lệ công ty).

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. [Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị].

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị *Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm* bao gồm 07 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.. .tháng 05 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

DS. Phạm Thị Bích Thủy

Số:/TT-AGP

An Giang, ngày tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CỦA CÔNG TY NĂM 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Tờ trình sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm năm 2021;
- Căn cứ Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm năm 2018;
- Căn cứ quy định hiện hành và nhu cầu thực tiễn của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm như sau:

Quy chế quản trị nội bộ năm 2018	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
Điều 1. Nội dung và đối tượng áp dụng: 1. Quy chế này gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; b) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; c) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị; d) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên; e) Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý; f) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát và Tổng giám đốc; g) Quy định về đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác;	Điều 1. Nội dung và đối tượng áp dụng: 1. Quy chế này gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám Đốc b) Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông; c) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; d) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị; e) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên; Tổng Giám Đốc f) Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý; g) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát và Tổng giám đốc; h) Quy định về đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản	Bổ sung cho phù hợp với quy chế mẫu theo Thông tư 116/2020

Quy chế quản trị nội bộ năm 2018	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
	trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác;	
<p>2. Đối tượng áp dụng:</p> <p>a) Cổ đông.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>c) Ban điều hành: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc bộ phận và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc.</p> <p>d) Cán bộ quản lý khác.</p>	<p>2. Đối tượng áp dụng:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>b) Ban điều hành: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc bộ phận và người đứng đầu các đơn vị trực thuộc.</p> <p>c) Cán bộ quản lý khác và những người liên quan.</p>	
<p>Chương 2: TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>Chương 2: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	
<p>d) Gửi thư mời họp theo phương thức bảo đảm đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán trước ít nhất mười (10) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày thông báo được công bố hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.</p>	<p>d) Gửi thư mời họp theo phương thức bảo đảm đến địa chỉ đã đăng ký của từng cổ đông có quyền dự họp; thông báo việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông trên website của Công ty và công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày tổ chức Đại hội, tính từ ngày thông báo được công bố hoặc chuyển đi một cách hợp lệ.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 143 LDN 2020</p>
<p>3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu có), chương trình họp, các tài liệu thảo luận thông qua quyết định. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>3. Thông báo, thư mời họp phải ghi rõ thời gian và địa điểm tổ chức. Kèm theo thư mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, mẫu xác nhận dự họp (nếu có), chương trình họp, các tài liệu thảo luận thông qua quyết định. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác). Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng</p>	<p>Bổ sung cho phù hợp với quy chế mẫu theo Thông tư 116/2020, Điều 139 LDN 2020</p>

Quy chế quản trị nội bộ năm 2018	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
	<p>loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ (5%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>7. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông: được quy định cụ thể tại Điều 14 Điều lệ công ty.</p>	
<p>Điều 4. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 4. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty gửi kèm thư mời họp và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:</p>	<p>2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho người khác tham dự, việc ủy quyền cho người đại diện phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền (có thể theo</p>	

Quy chế quản trị nội bộ năm 2018	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
	mẫu của Công ty gửi kèm thư mời họp) và phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:	
d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp.	d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại bản gốc giấy ủy quyền trước khi vào họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	
Điều 5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng cách biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản được quy định cụ thể tại Điều 20, 21 Điều lệ công ty.	Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng cách biểu quyết tại cuộc họp được quy định cụ thể tại Điều 20, 21 Điều lệ công ty.	
Điều 6. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	Điều 6. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả biểu quyết	
3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	
Điều 7. Cách thức phản đối hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 7. Cách thức hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	
	3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	
	Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: được quy định cụ thể tại Điều 21 Điều lệ công ty	

Quy chế quản trị nội bộ năm 2018	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
Chương 3: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Chương 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 10. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	Điều 11. Tiêu chuẩn, Vai trò, quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:	
	<p>4. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p> <p>5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>5.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ động.</p> <p>5.2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: được quy định cụ thể tại điều 25 Điều lệ công ty.</p> <p>5.3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>5.4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ động, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.</p>	<p><i>Bổ sung cho phù hợp Khoản 4, khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty</i></p> <p><i>Bổ sung cho phù hợp Điều 25 Điều lệ Công ty</i></p>

Quy chế quản trị nội bộ năm 2018	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
Điều 13. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	Điều 14. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	
1. Hội đồng quản trị phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.	1. Hội đồng quản trị phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp theo quy định tại khoản 6 Điều 24 Điều lệ Công ty.	
Chương 4: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		<i>Bỏ khoản này</i>
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị	
	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.	Bổ sung theo Khoản 1 Điều 150 LDN 2020 và Điều 22 Điều lệ công ty
Chương 5: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN BAN KIỂM SOÁT	Chương 4: BAN KIỂM SOÁT	
Điều 19. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên	Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện; Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên	
3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của đối tượng sau đây: a) Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; b) Kiểm soát viên khác của công ty.	3. Không phải là vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của đối tượng sau đây: a) Thành viên Hội đồng quản trị b) Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; c) Kiểm soát viên khác của công ty.	
5. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.		<i>Bỏ khoản này</i>
	5. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật này không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty. 6. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên	<i>Khoản 2 điều 169; Điều 172 LDN 2020</i>

Quy chế quản trị nội bộ năm 2018	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
	<p>Ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát; - Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; - Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty. <p>7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: nêu cụ thể tại điều 34 của điều lệ công ty.</p>	
Chương 6: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH	Chương 5: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH	
Điều 23. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc và cán bộ điều hành	Điều 24. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc và cán bộ điều hành	
1. Bổ nhiệm, nhiệm kỳ, quyền hạn và nhiệm vụ Tổng giám đốc:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. - Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. - Quyền hạn và nhiệm vụ theo khoản 2 điều 3 của Điều lệ Công ty. - Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội 	<i>Khoản 2 điều 31 Điều lệ công ty</i>

Quy chế quản trị nội bộ năm 2018	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
	<p>đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p> <p>- Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới thay thế.</p>	
Chương 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	Chương 6: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	
Chương 8: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Chương 7: KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Chương 9: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	Chương 8: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Quy chế này bao gồm 34 Điều và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.	Quy chế này bao gồm 08 Chương, 35 Điều và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành sửa đổi bổ sung vào Quy chế quản trị nội bộ của Công ty và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông AGP;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

DS. Phạm Thị Bích Thủy

Số:/TT-AGP

An Giang, ngày tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

(Về việc sửa đổi Điều lệ Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tháng 10/2019;
- Căn cứ quy định hiện hành và nhu cầu thực tiễn của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm như sau:

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
PHẦN MỞ ĐẦU:	PHẦN MỞ ĐẦU:	
Điều lệ này của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên tổ chức ngày 15/3/2019 và căn cứ vào Công văn số 6037/UBCK-QLCB ngày 07/10/2019 về Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. Công ty tổ chức và hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm 2021. Công ty tổ chức và hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.	
Điều 1. Định nghĩa	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	
b. " Luật Doanh nghiệp " là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	b. " Luật Doanh nghiệp " là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 4 LDN 2020
e. " Người có liên quan " là các cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán	e. " Người có liên quan " là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;	
h. " Luật chứng khoán " là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010	h. " Luật chứng khoán " là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	
i. " Cổ đông lớn " là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán	i. " Cổ đông lớn " là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019;	
	j. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những	

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
	vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	
	k. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty	
	l. “ Cổ đông ” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;	
	m. “ Cổ đông sáng lập ” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần	
	n. “ Sở giao dịch chứng khoán ” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con	Bổ sung phù hợp với Luật Chứng khoán 2019 và Khoản 33 Điều 3 ND 155/2020/NĐ-CP
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 1. Tên Công ty: - Tên giao dịch: AGIMEXPHARM	Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 1. Tên Công ty: Bỏ tên giao dịch	
Điều 4. Ngành, nghề, mục tiêu hoạt động và phạm vi hoạt động kinh doanh 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:	Điều 4. Ngành, nghề, mục tiêu hoạt động và phạm vi hoạt động kinh doanh 1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:	
	<ul style="list-style-type: none"> - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. - Sản xuất điện. - Truyền tải và phân phối điện. - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp - Bán buôn thực phẩm. - Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. 	Bổ sung sau khi thông qua tờ trình bổ sung ngành, nghề kinh doanh
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
<p>1.Vốn điều lệ của Công ty là 128.351.770.000 đồng (Một trăm hai mươi tám tỷ ba trăm năm mươi một triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng).</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.835.177 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p>	<p>Theo thực tế phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:</p> <p>1. Dự kiến: Vốn điều lệ công ty là 179.692.470.000 đồng (Một trăm bảy mươi chín tỷ sáu trăm chín mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi ngàn đồng)</p> <p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 17.969.247 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p>	Sẽ điều chỉnh theo kết quả phát hành thực tế.
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận	2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận	Sửa đổi phù hợp với LDN

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.	quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	2020
Điều 9. Thu hồi cổ phần	Điều 9. Thu hồi cổ phần	
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi phù hợp với LDN 2020
CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG		
Điều 11. Quyền của cổ đông		
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.	Bổ sung
c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	Sửa đổi phù hợp Điểm d Khoản 1 Điều 111, Điểm d Khoản 1 Điều 115 LDN 2020
e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.	e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết—và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác về mình	
i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;	i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 132 LDN 2020
	j. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;	Bổ sung
	k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;	
	l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;	
	m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này	

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 4 Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 2, 3 Điều 115 LDN 2020</p>
	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử</p>	<p>Bổ sung phù hợp Khoản 5 Điều 115 LDN 2020</p>

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
	theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.	
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	
	<p>7. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p> <p>8. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p>	Bổ sung phù hợp Điều 119 LDN 2020
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần, trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 139 LDN 2020
<p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 140 LDN 2020
<p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh Nghiệp yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p>	<p>e. Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát</p>	
<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p>	
<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3</p>	<p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản</p>	Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 140 LDN 2020

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này	3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này	
b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp	b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 140 LDN 2020
c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp	c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d Khoản 3 Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi phù hợp Khoản 4 Điều 140 LDN 2020
	d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung phù hợp Khoản 5 Điều 140 LDN 2020
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	
<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán</p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 138 LDN 2020

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
	<p>được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	
<p>2. Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và bất thường có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và bất thường có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 138, 139 LDN 2020</p>
<p>a. Báo cáo tài chính năm;</p>	<p>a. Báo cáo tài chính năm và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty</p>	
<p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;</p>	<p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát</p>	
<p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị;</p>	<p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát;</p>	
<p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</p>	<p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất</p>	
	<p>o. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT;</p>	
	<p>p. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p>	
	<p>q. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p>	
	<p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	
	<p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p>	
<p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p>	<p>t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p>	
<p>Điều 15. Các đại diện được ủy quyền</p>	<p>Điều 15. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông Công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.</p>	<p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 144 LDN 2020</p>

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Đại diện được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.		
<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	
<p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	Hủy khoản 3 Điều 15
<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.</p>	<p>Điều 16. Thay đổi các quyền</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p>	
<p>1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại điểm b và c Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này.</p>	<p>1. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập họp theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ này.</p>	
<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây</p>	<p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây</p>	

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định của luật pháp và của Công ty	a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và các tài liệu theo quy định của luật pháp và của Công ty; Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 141 LDN 2020
b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp; c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Các công việc khác phục vụ đại hội.	b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức cuộc họp; f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; g. Các công việc khác phục vụ đại hội.	Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 142 LDN 2020
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 143 LDN 2020
d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;	d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 143 LDN 2020
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:	5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:	
b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ số lượng cổ phần quy định tại Khoản 3 Điều 11 trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng	b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ số lượng cổ phần quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này.	
6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận	
7. Các quyết định được tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết (trực tiếp		<i>Bỏ khoản này</i>

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.		
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.	Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 145 LDN 2020
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
	5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Chuyển từ Khoản 7 Điều 17 Điều lệ cũ
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ này và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều 148 LDN 2020
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:		
j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng	j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng	Bổ sung theo Khoản 1 Điều 150 LDN 2020
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp, hoặc người khác ký tên trên Biên bản họp phải chịu	

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 17 Điều lệ này.	1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 20 Điều lệ này.	
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.	Điều chỉnh phù hợp LDN 2020
4. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	4. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	
Điều 24. Ứng cử, đề cử; Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Quản trị	Điều 24. Ứng cử, đề cử; Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	
Khoản 1: e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác	e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);	Sửa đổi, bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 274 ND 155/2020/NĐ-CP
	j. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)	
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% trở lên đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Sửa đổi theo Khoản 5 Điều 115 LDN 2020

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.		
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử	
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:	
i. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác và quyết định mức lương của họ; m. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;	i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; m. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty.	Theo quy định tại Điều 11 Thông tư 116/2020/TT-BTC
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:	3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:	
c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;	c. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi phù hợp Điểm h Khoản 2 Điều 153 LDN 2020
i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng	i. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác	Khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị sẽ lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p>	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng Quản trị</p> <p>1. Hội đồng Quản trị sẽ lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 2 Điều 156 LDN 2020</p>
<p>Điều 33. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p>	<p>Điều 33. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p>	
<p>1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ này. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty, và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	
<p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p>	<p><u>2.</u> Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p>	
<p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</p>	<p>Theo quy định tại Điều 169 LDN 2020</p>
<p>4. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% trở lên đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>4. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bỏ do trùng Khoản 1 Điều 33 Điều lệ mới và sửa thứ tự các khoản cho phù hợp</p>

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
<p>Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử</p>		
<p>Điều 34. Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 34. Ban kiểm soát</p>	
<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau</p>	<p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 170</p>
<p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp</p>	<p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</p>	<p>LDN 2020</p>
<p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p>	<p>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; g. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc; h. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty; i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người</p>	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát</p>	<p>Bổ sung cụ thể hơn về cuộc họp của BKS</p>
<p>Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	<p>Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p>	
<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác</p>	
<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung cho cụ</p>

Điều lệ (10/2019)	Nội dung sửa đổi, bổ sung năm 2021	Ghi chú
nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác	khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin	thể hơn và phù hợp Điều 47 TT 116/2020/TT-BTC
	6. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty	Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 291 NB 155/2020/NĐ-CP
Điều 46. Kiểm toán	Điều 46. Kiểm toán	
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty	3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiến hành sửa đổi bổ sung vào Điều lệ của Công ty và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông AGP;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

DS. Phạm Thị Bích Thủy

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm;
- Căn cứ kết quả biểu quyết các vấn đề đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tổ chức tại Nhà hàng Thăng Lợi 1 ngày 17/05/2021 thông qua.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thống nhất với Báo cáo và đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 – Mục tiêu năm 2021; *tỷ lệ biểu quyết%*.

Điều 2: Thống nhất với Báo cáo hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Ban Tổng Giám đốc, *tỷ lệ biểu quyết%*.

Điều 3: Thống nhất với Báo cáo phân tích tài chính năm 2020; *tỷ lệ biểu quyết%*.

Điều 4: Thống nhất với Báo cáo kết quả kiểm toán năm 2020; *tỷ lệ biểu quyết%*.

Điều 5: Thống nhất với Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020; *tỷ lệ biểu quyết%*.

Điều 6: Thống nhất Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty; *tỷ lệ biểu quyết%*.

Điều 7: Thống nhất thông qua các tờ trình của Hội đồng Quản trị:

- 1) Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; *tỷ lệ biểu quyết%*.
- 2) Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2020; *tỷ lệ biểu quyết%*.
- 3) Tờ trình tiền lương, thưởng HĐQT, BKS và quỹ lương công ty; *tỷ lệ biểu quyết%*.
- 4) Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh; *tỷ lệ biểu quyết%*.
- 5) Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn; *tỷ lệ biểu quyết%*.
- 6) Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty; *tỷ lệ biểu quyết%*.
- 7) Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ Công ty; *tỷ lệ biểu quyết%*.
- 8) Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ; *tỷ lệ biểu quyết%*.

Điều 6: Nghị quyết này đã được thông qua với *tỷ lệ%* thống nhất và có hiệu lực kể từ ngày kết thúc Đại hội. Tất cả các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Đồng thời, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị cụ thể hóa thành kế hoạch, nhiệm vụ để chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nơi nhận:
- Các Cổ đông công ty
- UBCK nhà nước
- Sở GDCK Hà Nội
- HĐQT, BKS
- Lưu văn thư.

TM. BAN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI